

Số: 513/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 5 năm 2023 đến ngày 23 tháng 5 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, ngày nắng; chiều và tối có mưa rào, cục bộ có mưa to; đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió tây nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 30°C - 33°C, có khi có nơi trên 35°C.

Dự báo tuần tới: Chiều và tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to; ngày nắng. Nhiệt độ trung bình từ: 29°C - 30°C. Giá trị tổng lượng mưa 20 - 40 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

| Vụ Hè thu 2023 | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích gieo trồng (ha) | Diện tích thu hoạch (ha) |
|-------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Mạ | 1.112 | |
| | Đẻ nhánh | 1.836 | |
| | Làm đồng | 803 | |
| | Trổ | 178 | |
| | Chín | - | |
| | Thu hoạch | - | |
| | Tổng | 3.929 | |

b) Cây trồng khác

| Nhóm/loại cây | Giai đoạn sinh trưởng | DTGT (ha) | Nhóm/loại cây | Giai đoạn sinh trưởng | DTGT (ha) |
|-------------------------------|-----------------------|----------------|---------------------------|-----------------------|----------------|
| 1. Cây rau Hè Thu 2023 | | 3.340,7 | 2. Hoa, cây kiểng | Nhiều giai đoạn | 1.720 |
| - RALNN | Nhiều giai đoạn | 982,6 | Hoa lan | Nhiều giai đoạn | 335 |
| - RALDN | - | - | Hoa mai | Nhiều giai đoạn | 765 |
| - RCQNN | Nhiều giai đoạn | 284,2 | 3. Cây lương thực | | 53,7 |
| - RCQDN | Nhiều giai đoạn | 239,4 | Bắp | Sinh trưởng | 0,2 |
| - Rau gia vị | Nhiều giai đoạn | 133,4 | Khoai mì | Sinh trưởng | 53,5 |
| - Rau thủy sinh | Nhiều giai đoạn | 109,1 | 4. Cây công nghiệp | Nhiều giai đoạn | 1.260,3 |
| - RMN | Nhiều giai đoạn | 788,8 | | | |

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau mồng nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

| TT | HUYỆN | XÃ | Ngày vào đèn | | | | | | | |
|----|--------|------------------|--------------|------|------|------|------|------|------|------|
| | | | 15/5 | 16/5 | 17/5 | 18/5 | 19/5 | 20/5 | 21/5 | 22/5 |
| 1 | Củ Chi | Thái Mỹ | 21 | 20 | 17 | 13 | 8 | 12 | 15 | 5 |
| | | Trung Lập Thượng | 68 | 72 | 76 | 68 | 56 | 60 | 76 | - |

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2023

| TT | Tên SVGH | Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố |
|-----|-------------|--|-----|--------|-----------------------------|----------|
| | | Phổ biến | Cao | Cục bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Sâu cuốn lá | 1-5 | | | 1-5 | HM,CC |
| 2 | Bọ trĩ | 3-5 | | | 1-5 | CC,HM,BT |
| 3 | Sâu phao | 1-5 | | | 1-5 | CC |
| 4 | OBV | 3-10 | | | Các giai đoạn | CC,HM,BC |
| 5 | Chuột | 3 | | | Các giai đoạn | CC |
| 6 | Đạo ôn | 3-10% | | | 1-3 | CC |
| 7 | Đốm vằn | 3-5% | | | 1-3 | CC |

b) Trên cây rau

| TT | Tên SVGH | Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố |
|-----|--------------------------|--|-----|--------|-----------------------------|---------------------|
| | | Phổ biến | Cao | Cục bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Bọ nhày | 2-120 | | | 1-5 | HM, Q12, BC, BT |
| 2 | Sâu xanh | 1-10 | | | 1-5 | HM, Q12, CC, BC, BT |
| 3 | Sâu tơ | 3-12 | | | 1-5 | HM, Q12, BC, BT |
| 4 | Dòi đục lá | 2-6 | | | 1-5 | HM,CC |
| 5 | Sâu đục trái | 2-4 | | | 1-5 | BC |
| 6 | Sâu ăn tạp | 2-100 | | | 1-5 | TĐ,HM,Q12,CC, BC,BT |
| 7 | Bọ trĩ | 1-10 | | | 1-5 | BC, CC |
| 8 | Rầy mềm | 1-900 | | | 1-5 | BC, BT,CC |
| 9 | Rầy xanh | 3-7 | | | 1-5 | HM, BC, CC |
| 10 | Rầy xám | 100->500 | | | 1-5 | HM, Q12 |
| 11 | Bọ phấn | 2-10 | | | 1-5 | CC |
| 12 | Sâu đục đọt | 5-10 | | | 1-5 | BC |
| 13 | Bọ xít đen | 5-10 | | | 1-5 | TĐ |
| 14 | Ruồi đục trái | 3-5 | | | 1-5 | BC |
| 15 | OBV | 3-30 | | | Các giai đoạn | TĐ,HM,Q12 |
| 16 | Ốc sên | 2-5 | | | Các giai đoạn | Q12,BC |
| 17 | Tnhũn/r.cải | 1-10 | | | 1-3 | HM,Q12,BC |
| 18 | Ri trắng/RM | 2-10 | | | 1-3 | TĐ,HM,Q12,CC, BC,BT |
| 19 | Đốm lá | 2-5 | | | 1-3 | BC,HM,Q12 |
| 20 | Ph.vàng/dưa leo, khô qua | 5-7 | | | 1-3 | HM |
| 21 | Vàng lá | 2-10 | | | 1-3 | TĐ,HM |

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 728,7 ha, tăng 89,2 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 32,7 ha, tăng 32,7 ha so với tuần trước.
- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 38,0 ha, giảm 61,5 ha so với tuần trước.
- Sâu phao: Diện tích nhiễm 91,0 ha, giảm 22 ha so với tuần trước.
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 374 ha, tăng 76 ha so với tuần trước.
- Chuột: Diện tích nhiễm 107 ha, tăng 04 ha so với tuần trước.
- Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 42 ha, tăng 30 ha so với tuần trước.
- Bệnh đốm vằn: Diện tích nhiễm 44 ha, tăng 30 ha so với tuần trước.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 585,3 ha, tăng 39,6 ha so với tuần trước, trong đó diện tích phòng trừ là 363,0 lượt ha chiếm 62% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, rầy xám, bọ nhảy, dòi đục lá, bệnh rỉ trắng, bệnh đốm lá và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 106,8 ha, tăng 2,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 62,5 ha, tăng 5,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- Rầy xám: Diện tích nhiễm 21,1 ha, tăng 0,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 19,1 ha, giảm 0,1 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 29,4 ha, tăng 9,5 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Quận 12.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 29,2 ha, tăng 2,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn.

- Bệnh đốm lá: Diện tích nhiễm 7,7 ha, tăng 0,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, Bình Chánh.

- Bệnh vàng lá: Diện tích nhiễm 7,7 ha, tăng 0,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn.

c) Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- *Rầy nâu*: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến tuổi trưởng thành - tuổi 1 với mật số thấp. Khuyến cáo thăm đồng thường xuyên, theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy trên đồng để có biện pháp quản lý hiệu quả.

- *Ốc bươu vàng*: Thời tiết mưa nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho ốc bươu vàng di chuyển gia tăng diện tích nhiễm. Cần chú ý ốc bươu vàng gây hại trên các chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước mới xuống giống vụ Hè Thu 2023.

- Ngoài ra cần chú ý đến sâu phao, bọ trĩ trên các trà lúa ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh; chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn giai đoạn đẻ nhánh - đòng.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gi trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Theo dõi bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì vụ Hè Thu 2023. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trở cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dứa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vuron lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng và tình hình xuống giống lúa Hè Thu 2023.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực



Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2023
 (Kèm theo Báo cáo số: **513** /BC-CCTTBVTV, ngày **25** tháng **5** năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

| STT | Tên SVGH | Diện tích nhiệm (ha) | | | Tổng DTN (ha) | So sánh DTN (+/-) | | DT phòng trừ (ha) | Phân bố |
|-----|-------------|----------------------|------|-----|---------------|-------------------|--------------|-------------------|----------|
| | | Nhẹ-Tb | Nặng | MT | | Kỳ trước | CKNT | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Sâu cuốn lá | 32,7 | | | 32,7 | - | 9,8 | | HM,CC |
| 2 | Bộ trĩ | 38,0 | | | 38,0 | 99,5 | 102,2 | | CC,HM,BT |
| 3 | Sâu phao | 91,0 | | | 91,0 | 113,0 | 67,7 | | CC |
| 4 | OBV | 374,0 | | | 374,0 | 298 | 382,0 | | CC,HM,BC |
| 5 | Chuột | 107,0 | | | 107,0 | 103 | 73,0 | | CC |
| 6 | Đạo ôn | 42,0 | | | 42,0 | 12 | 05,2 | | CC |
| 7 | Đốm vằn | 44,0 | | | 44,0 | 14 | 2,0 | | CC |
| | Tổng | 728,7 | | | 728,7 | 639,5 | 641,9 | | |

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: 513/BC-CCTTBVT, ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

| STT | Tên SVGH | Diện tích nhiễm (ha) | | | Tổng DTN (ha) | So sánh DTN (+/-) | | DT phòng trừ (ha) | Phân bố |
|-----|--------------------------|----------------------|-----|--------|---------------|-------------------|--------------|-------------------|-------------------------|
| | | Nặng | MT | Nhẹ-Tb | | Kỳ trước | CKNT | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Bọ nhảy | 19,1 | | | 19,1 | 19,2 | 23,6 | 13,3 | HM, Q12, BC, BT |
| 2 | Sâu xanh | 62,5 | | | 62,5 | 56,7 | 43,2 | 41,8 | HM, Q12, CC, BC, BT |
| 3 | Sâu tơ | 11,5 | | | 11,5 | 11,2 | 15,6 | 7,6 | HM, Q12, BC, BT |
| 4 | Dòi đục lá | 29,4 | | | 29,4 | 19,9 | 0,4 | 17,2 | HM, CC |
| 5 | Sâu đục trái | 1,8 | | | 1,8 | 1,8 | 1,6 | 1,8 | BC |
| 6 | Sâu ăn tạp | 106,8 | | | 106,8 | 104,4 | 109,9 | 63,8 | TD, HM, Q12, CC, BC, BT |
| 7 | Bọ trĩ | 23,8 | | | 23,8 | 13,8 | 9,9 | 16,8 | BC, CC |
| 8 | Rầy mềm | 11,1 | | | 11,1 | 8,1 | 1,7 | 9,0 | BC, BT, CC |
| 9 | Rầy xanh | 16,8 | | | 16,8 | 12,8 | 6,5 | 10,5 | HM, BC, CC |
| 10 | Rầy xám | 21,1 | | | 21,1 | 21,0 | 36,1 | 10,8 | TD, HM, Q12 |
| 11 | Bọ phấn | 11,0 | | | 11,0 | 10,0 | 0,1 | 8,0 | CC |
| 12 | Sâu đục đọt | 0,8 | | | 0,8 | 0,8 | 1,6 | 0,8 | BC |
| 13 | Bọ xít đen | 4,0 | | | 4,0 | 4,0 | 1,0 | | TD |
| 14 | Ruồi đục trái | 4,3 | | | 4,3 | 4,3 | 3,4 | 4,3 | BC |
| 15 | OBV | 208,6 | | | 208,6 | 208,6 | 218,5 | 122,9 | TD, HM, Q12 |
| 16 | Ốc sên | 0,60 | | | 0,60 | 0,60 | 0,5 | 0,5 | Q12, BC |
| 17 | Tnhũn/r.cài | 5,3 | | | 5,3 | 5,0 | 9,1 | 3,4 | HM, Q12, BC |
| 18 | Ri trắng/RM | 29,2 | | | 29,2 | 26,9 | 37,4 | 19,7 | TD, HM, Q12, CC, BC, BT |
| 19 | Đóm lá | 7,7 | | | 7,7 | 7,4 | 9,2 | 4,9 | BC, HM, Q12 |
| 20 | Ph.vàng/dưa leo, khô qua | 2,2 | | | 2,2 | 1,9 | 1,0 | 1,2 | HM |
| 21 | Vàng lá | 7,7 | | | 7,7 | 7,3 | 4,3 | 4,7 | TD, HM |
| | Tổng | 585,3 | | | 585,3 | 545,7 | 534,6 | 363,0 | |

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT